

Bản án số: **38/2020/DS-PT**
Ngày: 16-4-2020
V/v “*Tranh chấp lỗi đi qua
bất động sản liền kề*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Phạm Tiến Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Lua - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp lỗi đi qua bất động sản liền kề*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐHPT-PT ngày 25 tháng 02 năm 2020; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 05/TB-TA ngày 07 tháng 4 năm 2020, giữa:

+ *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phú B, sinh năm 1979; Trú tại: Tổ 2, ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Tăng H, sinh năm 1991, thuộc Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: 59 Tôn Đức Thắng, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

+ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phú N, sinh năm 1977; Bà Vy Thị P, sinh năm 1978; Cùng trú tại: Tổ 4, ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn bà Vy Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Phú B trình bày: Ông Nguyễn Phú B là chủ sử dụng đất các thửa đất gồm: Thửa đất số 483, tờ bản đồ số 26, có diện tích 18.716m² và thửa đất số 484, tờ bản đồ số 26, có diện tích 18.570 m², tọa lạc tại

ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Nguồn gốc của các thửa đất trên do cha mẹ của ông B tặng cho ông từ năm 2000, đến năm 2014 thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất (QSDĐ).

Ông Nguyễn Phú N, bà Vy Thị P là anh ruột và chị dâu của ông B, đã được cha mẹ tặng cho và chuyển nhượng thửa đất số 451, tờ bản đồ số 26, diện tích 20.232m²; thửa đất số 482, tờ bản đồ số 26, diện tích 19.460m² và thửa đất số 197, tờ bản đồ số 27, diện tích 40.523m²; 03 thửa đất trên tọa lạc tại ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. 03 (ba) thửa đất của ông N, bà P giáp với đường giao thông ấp 7, xã M, huyện C.

Từ năm 2000 đến nay, cha mẹ ông B là ông Nguyễn Phú L, bà Nguyễn Thị T và ông N đã thỏa thuận để phần đất có diện tích 3 mét chiều ngang và dài khoảng 227 mét làm lối đi cho gia đình ông B đi từ phần đất của gia đình ông B ra đường giao thông ấp 7, xã M bằng cách đi qua 03 thửa đất của ông N, bà P hiện đang sử dụng. Tuy nhiên, thời gian gần đây do có mâu thuẫn nên ông N, bà P đã ngăn cản không cho gia đình ông B đi qua các thửa đất của ông N, bà P. Ông B đã yêu cầu chính quyền xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả. Vì vậy, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông N, bà P mở lối đi cho gia đình ông B có chiều ngang 03m từ phần đất của ông B đi qua 03 thửa đất của ông N, bà P làm lối đi ra đường công cộng. Ông B đồng ý bồi thường cho ông N, bà P giá trị quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, chứ không đồng ý với yêu cầu của ông N, bà P bồi thường giá trị đất là 750.000.000 đồng. Ngoài ra, ông B không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Phú N, bà Vy Thị P trình bày: Ông Nguyễn Phú N, bà Vy Thị P là chủ sử dụng của các thửa đất gồm: thửa đất số 451, tờ bản đồ số 26, diện tích 20.232m²; thửa đất số 482, tờ bản đồ số 26, diện tích 19.460m² và thửa đất số 197, tờ bản đồ số 27, diện tích 40.523m². Việc ông B yêu cầu mở lối đi chiều ngang 3m trên 03 thửa đất của ông N, bà P để gia đình ông B làm lối đi ra đường công cộng thì ông N, bà P cũng đồng ý. Tuy nhiên, ông N, bà P không đồng ý ông B bồi thường giá đất theo giá mà cơ quan đã thẩm định mà yêu cầu ông B bồi thường số tiền là 750.000.000 đồng đối với diện tích đất 676,2m². Về tài sản trên đất mở lối đi ông N, bà P đã cưa hết cây cao su và di dời toàn bộ cây dầu đi nơi khác trồng nên ông N, bà P yêu cầu ông B bồi thường giá trị tài sản. Ngoài ra, ông N, bà P không có ý kiến nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phú B.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc mở lối đi qua bất động sản liền kề: ông Nguyễn Phú N, bà Vy Thị P mở lối đi có diện tích 676,2m² tọa lạc tại ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, phần diện tích đất này nằm trong tổng diện tích 03 thửa đất gồm: Thửa đất số 451, tờ bản đồ số 26, diện tích 20.232m², đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: BA 001054, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00004 ngày 30/12/2009 đứng tên hộ ông Nguyễn Phú N, bà Vy Thị P; Thửa đất số 482, tờ bản đồ số 26, diện tích 19.460m², đã được Sở Tài nguyên và Môi trường (TNMT) tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận

QSDĐ số: CG 053759, sổ vào sổ cấp GCN: CS 00167 ngày 14/4/2017 đứng tên hộ ông Nguyễn Phú N, bà Vy Thị P và thửa đất số 197, tờ bản đồ số 27, diện tích 40.523m², đã được Sở TNMT tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: CD 844561, sổ vào sổ cấp GCN: CS 00127 ngày 17/01/2017 đứng tên hộ ông Nguyễn Phú N, bà Vy Thị P để ông Nguyễn Phú B làm lối đi đi ra đường công cộng. Phần diện tích 676,2m² nói trên có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp với đường đất và phần đất thuộc thửa đất số 197 của ông N, bà P; Phía Nam giáp với thửa đất số 484 của ông B; Phía Đông giáp với các thửa đất số 451, thửa đất số 482 và thửa đất số 197 của ông N, bà P và phía Tây giáp với thửa đất số 347 (Có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Phú B có nghĩa vụ bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Phú N, bà Vy Thị P số tiền là 67.620.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/11/2019, bị đơn bà Vy Thị P kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Phú B phải bồi thường giá trị QSDĐ mở lối đi là 750.000.000 đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại về giá trị cây trồng trên phần diện tích mở lối đi là 23.880.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:
Theo ý kiến của bị đơn nêu tại biên bản định giá ngày 04/9/2019 thì bị đơn tự xác định giá đất khoảng từ 2-3 tỷ đồng/ha, nhưng theo đơn kháng cáo của bị đơn yêu cầu ông B phải bồi thường số tiền 750.000.000đ/676,2m² đất (khoảng hơn 11 tỷ đồng/ha) là không hợp lý. Về số cây trồng trên đất, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại Bản án sơ thẩm đã nhận định, do bị đơn không yêu cầu bồi thường nên ông B không phải bồi thường giá trị cây trồng. Vì vậy, Luật sư đề Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà P.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Kể từ thời điểm thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đến nay, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Vy Thị P, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Phú B phải bồi thường cho ông Nguyễn Phú N, bà Vy Thị P giá trị QSDĐ mở lối đi theo kết quả định giá lại là 101.430.000 đồng. Về yêu cầu bồi thường giá trị cây trồng trên đất, do tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn không có yêu cầu nên nay không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà P làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định tại các điều 271, 272 và 273 của BLTTDS, nên được chấp nhận.

[2] Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc ông N, bà P mở lối đi cho ông B có chiều rộng 3 mét với diện tích $676,2m^2$ có vị trí tứ cận tọa lạc trên 03 thửa đất thuộc QSDĐ của ông N, bà P. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự thỏa thuận này là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà P kháng cáo không đồng ý với mức bồi thường về giá trị QSDĐ mà ông B bồi thường cho ông N, bà P với số tiền là 67.620.000 đồng vì cho rằng mức giá này quá thấp. Đồng thời, bà P yêu cầu ông B phải bồi thường giá trị cây trồng trên đất cho bà P và ông N.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà P về giá trị QSDĐ mở lối đi:

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà P cung cấp Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng QSDĐ ngày 19/02/2020 giữa ông N, bà P và bà Nguyễn Thị Hồng H, nội dung bà H đặt cọc cho ông N, bà P số tiền 1.000.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng thửa đất có diện tích $19.460m^2$ của ông N, bà P với số tiền 8.000.000.000 đồng; Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông N, bà P với ông Nguyễn Hùng C về việc chuyển nhượng thửa đất số 197, tờ bản đồ số 27 có diện tích $40.523m^2$ với số tiền 16.000.000.000 đồng để chứng minh về giá thị trường của QSDĐ. Như vậy, mức giá mà bị đơn muốn chứng minh thông qua các giao dịch này khoảng 4 tỷ đồng/ha (tương đương khoảng $400.000đ/m^2$). Đồng thời, bà P còn cung cấp Chứng thư thẩm định giá số 0141/03.20/TA/BPC/EXIMA ngày 05/3/2020 của Công ty Exima tiến hành thẩm định giá đối với diện tích đất mở lối đi là 218.412.600 đồng để làm chứng cứ. Tuy nhiên, các giá trị QSDĐ này do bị đơn cung cấp có sự chênh lệch so với mức giá do Hội đồng định giá trong Tổ tụng dân sự huyện C định giá vào ngày 04/9/2019, cụ thể giá trị QSDĐ mở lối đi được định giá tại cấp sơ thẩm là $100.000đ/m^2$ (BL105-107). Do có sự chênh lệch này, ngày 26/3/2020, Hội đồng định giá trong Tổ tụng dân sự tỉnh Bình Phước (do TAND tỉnh quyết định thành lập) tiến hành định giá lại về giá trị QSDĐ. Theo đó, giá trị QSDĐ mở lối đi được xác định là $150.000đ/m^2$; tổng giá trị QSDĐ mở lối đi là: $672,2m^2 \times 150.000đ/m^2 = 101.430.000đ$.

Nguyên đơn ông B không thống nhất với giá trị QSDĐ được định giá lại, mà yêu cầu căn cứ vào kết quả định giá ngày 04/9/2019 hoặc đơn giá do Nhà nước quy định để giải quyết vụ án; Bị đơn bà P, ông N mặc dù yêu cầu xác định theo đơn giá $250.000.000đ/1$ mét ngang (tức chiều rộng đường đi là 3m là 750.000.000 đồng), nhưng tại phiên tòa phúc thẩm lại có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định giá trị QSDĐ. Xét nguyên đơn và bị đơn đều không đưa ra được căn cứ hợp lý để chứng minh cho quan điểm của mình; còn đối với chứng cứ do bị đơn bà P giao nộp cũng không phù hợp với nhau và cao

hơn rất nhiều so với mức giá thị trường do Hội đồng định giá Tổ tụng dân sự tỉnh Bình Phước quyết định. Vì vậy, ý kiến của cả nguyên đơn, bị đơn đều không có cơ sở nên không được chấp nhận, mà cần căn cứ vào giá trị QSDĐ được định giá lại theo biên bản định giá ngày 26/3/2020 là 101.430.000 đồng để buộc ông B phải bồi thường cho bà P và ông N giá trị QSDĐ mở lối đi.

[4] Xét kháng cáo của bà P về bồi thường thiệt hại đối với cây trồng trên phần diện tích đất mở lối đi:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông B và Luật sư cho rằng khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn bà P và ông N xác định đã cưa (cắt) và di dời toàn bộ cây trồng đi chỗ khác nên không yêu cầu ông B phải có nghĩa vụ bồi thường. Tuy nhiên, bị đơn ông N và bà P không đồng ý, mà cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn không trình bày ý kiến như trên. Bởi lẽ, bị đơn đã phải mở đường đi cho gia đình ông B thì đương nhiên phải yêu cầu ông B bồi thường về giá trị cây trồng trên đất. Chính vì vậy, bị đơn không đồng ý với Bản án sơ thẩm và kháng cáo yêu cầu ông B phải bồi thường giá trị cây trồng cho ông N, bà P.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, vào ngày 04/9/2019 (trước khi xét xử sơ thẩm) Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định đối với tài sản gắn liền với phần diện tích mở lối đi. Theo đó, cấp sơ thẩm và các đương sự đã xác định trên phần diện tích mở lối đi có các loại cây trồng như sau: 10 cây cao su 15 năm tuổi; 36 cây cao su 17 năm tuổi; 43 cây dầu 01 năm (đường kính dưới 10cm) (BL101-104). Tổng giá trị các loại cây trồng này được định giá là 20.880.000 đồng (BL105-107). Như vậy, trên thực tế có tồn tại các loại cây trồng như đã nêu trên và đây là những loại cây do ông N, bà P trồng, không ai tranh chấp. Cũng tại biên bản này thể hiện bị đơn ông N, bà P đồng ý mở lối đi có bề rộng 3m cho ông B. Vì vậy, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm chưa xét xử, nhưng với ý chí thống nhất mở lối đi cho gia đình ông B nên ông N và bà P đã cưa (cắt) bỏ các cây trồng này. Đây là thiệt hại thực tế phát sinh và gắn liền với việc ông N và bà P phải mở lối đi cho ông B, nên cần thiết phải buộc ông B có nghĩa vụ bồi thường giá trị cây trồng cho ông N và bà P theo giá trị cây trồng đã được cấp sơ thẩm định giá.

[5] Với nhận định trên, xét thấy quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, do giá trị QSDĐ mở lối đi chung được định giá lại với giá trị chênh lệch so với kết quả định giá của cấp sơ thẩm, đồng thời cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu bồi thường về cây trồng trên đất của bị đơn, nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà P cần chấp nhận một phần, sửa Bản án sơ thẩm về nghĩa vụ của ông B bồi thường giá trị quyền sử dụng đất mở lối đi và giá trị cây trồng trên phần đất mở lối đi cho ông B tổng cộng là 122.310.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm mười ngàn đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa, nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B về việc mở lối đi được chấp nhận nên ông N, bà P phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng);

Do ông B phải có nghĩa vụ bồi thường giá trị QSDĐ và giá trị cây trồng trên phần diện tích mở lối đi, nên ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá

ngạch là: 122.310.000 đồng x 5% = 6.115.500 đồng (Sáu triệu một trăm mười lăm ngàn năm trăm đồng).

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà P được chấp nhận một phần, nên bà P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ một phần, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Vy Thị P. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng các điều 245, 246, 247 và 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phú B.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc mở lối đi qua bất động sản liền kề, cụ thể: Ông Nguyễn Phú N, bà Vy Thị P mở lối đi có diện tích 676,2m² tọa lạc tại ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, phần diện tích đất này nằm trong tổng diện tích 03 thửa đất gồm: Thửa đất số 451, tờ bản đồ số 26, diện tích 20.232m², đất đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri: BA 001054, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00004 ngày 30/12/2009 đứng tên hộ ông Nguyễn Phú N, bà Vy Thị P; Thửa đất số 482, tờ bản đồ số 26, diện tích 19.460m², đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri: CG 053759, sổ vào sổ cấp GCN: CS 00167 ngày 14/4/2017 đứng tên hộ ông Nguyễn Phú N, bà Vy Thị P và thửa đất số 197, tờ bản đồ số 27, diện tích 40.523m², đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri: CD 844561, sổ vào sổ cấp GCN: CS 00127 ngày 17/01/2017 đứng tên hộ ông Nguyễn Phú N, bà Vy Thị P để ông Nguyễn Phú B làm lối đi đi ra đường cộng cộng. Phần diện tích 676,2m² nói trên có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp với đường đất và phần đất thuộc thửa đất số 197 của ông N, bà P; Phía Nam giáp với thửa đất số 484 của ông B; Phía Đông giáp với các thửa đất số 451, thửa đất số 482 và thửa đất số 197 của ông N, bà P và phía Tây giáp với thửa đất số 347

(Theo mảnh trích đo địa chính ngày 27/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

Buộc ông Nguyễn Phú B có nghĩa vụ bồi thường giá trị quyền sử dụng đất mở lối đi và giá trị cây trồng trên phần diện tích đất mở lối đi cho ông Nguyễn Phú N, bà Vy Thị P với số tiền là 122.310.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm mười ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phú N, bà Vy Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng);

Ông Nguyễn Phú B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 6.115.500 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 750.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0009964, quyền số 000200 ngày 04/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Phước, ông B phải nộp thêm số tiền 5.365.500 đồng (Năm triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vy Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Phước trả lại cho bà P số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003938 quyền số 0079 ngày 11/12/2019.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Hoàng Linh